TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/3/2023
V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Huyền T**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh Trung H**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40/3, ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Huyền T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Nguyễn Thanh Trung H có tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 88, ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không ai nhường nhịn ai. Anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo lắng cho vợ con, khi hai người cãi nhau thì anh H còn đánh chị T nhưng chị không có trình báo chính quyền địa phương vì còn thương anh H. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn anh H thay đổi tính tình để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Trung H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/12/2017; cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2019. Khi ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Trung H vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Ngày 06/3/2023 nguyên đơn chị Trần Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn bảo lưu ý kiến theo Đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và tại các biên bản hòa giải ở Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Trung H vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, 51,53,56 và Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Huyền T: Cho chị Trần Huyền T ly hôn với anh Nguyễn Thanh Trung H.

Về con chung**:** Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/12/2017 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2019 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con**:** Không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung**:** Không xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh Trung H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Huyền T và anh Nguyễn Thanh Trung H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 88 ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hòa hợp, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, khi cãi nhau còn đánh đập chị. Chị T đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị T và anh H không có trình báo, tuy nhiên chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống hơn hai năm nay. Trong quá trình ly thân chị T và anh H đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Toà án đã triệu tập anh H nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh H không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết ly hôn, chị và anh H cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/12/2017; cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2019. Xét cháu N và cháu K đã được anh H chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm chị T và anh H ly thân đến nay. Hiện chị T vẫn đồng ý giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến giải quyết vụ án nhưng vắng

mặt không lý do, cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con chung của anh gởi đến Toà án. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2023 mẹ ruột của anh H là bà Nguyễn Mỹ Phượng trình bày anh H vẫn có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao con chung là cháu N và cháu K cho anh H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không có văn bản yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Huyền T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huyền T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Trung H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/12/2017; cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2019 cho anh Nguyễn Thanh Trung H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Trần Huyền T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không có văn bản yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Huyền T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Huyền T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004559 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka